

Bản án số: 658/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2023.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Công Nhân.

2. Bà Võ Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Vân Anh là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 212/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số A đường N, phường G, quận K, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ cư trú: Số B đường B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số A Đường B, Phường A, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ cư trú: đường số A, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 do Ủy ban nhân dân phường G, quận K, Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/6/2016.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc. Từ khi mang thai con thứ 2, năm 2016 đến nay thì vợ chồng đã hoàn toàn ly thân, cuộc sống hôn nhân xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, ông T thường có lời lẽ lăng mạ, xúc phạm và dùng cả hành động, hung khí truy đuổi, hành hung bà, gây ảnh hưởng nặng nề đến tinh thần, sức khỏe của bà, đặc biệt là ảnh hưởng rất lớn tới tâm lý phát triển của các con. Bà đã nhiều lần làm đơn trình báo sự việc trên đến công an phường, cụ thể ngày 05/5/2021 bà có trình báo Công an phường G, quận K, Thành phố Hà Nội và ngày 18/3/2023 bà trình báo Công an phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Do cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Khải S, sinh ngày 10/02/2016 và Trần Khải T1, sinh ngày 11/4/2017. Hiện các con đang sống cùng bà H nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 2 con chung.

Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn - Ông Trần Quốc T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng dân sự:

[2] Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con đối với ông T. Bị đơn cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung:*

[5] Xét yêu cầu của bà H yêu cầu ly hôn, nuôi con đối với ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Bà H và ông T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 29/6/2016 của Ủy ban nhân dân phường G, quận K, Thành phố Hà Nội là đúng với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Theo bà H trình bày thì trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc. Từ khi mang thai con thứ 2 năm 2016 đến nay thì vợ chồng đã hoàn toàn ly thân, cuộc sống hôn nhân xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, ông T thường có lời lẽ lăng mạ, xúc phạm và dùng cả hành động, hung khí truy đuổi, hành hung bà, gây ảnh hưởng nặng nề đến tinh thần, sức khỏe của bà, đặc biệt là ảnh hưởng rất lớn tới tâm lý phát triển của các con. Bà đã làm đơn trình báo công an phường, cụ thể là ngày 05/5/2021 bà trình báo Công an phường G, Thành phố Hà Nội và ngày 18/3/2023 trình báo Công an phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Do cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, phân tích để bà H đưa ra giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T và đoàn tụ gia đình nhưng bà Hạnh cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T.

[9] Theo kết quả xác minh của Công an phường P, Quận G xác định vợ chồng bà H và ông T chung sống tại địa chỉ trên và thường có mâu thuẫn, cảnh sát khu vực đã tiếp xúc làm việc và hướng dẫn bà H giải quyết theo quy định vì bà H cũng không có yêu cầu xử lý; theo xác nhận của Công an phường G, Quận K, Thành phố Hà Nội xác định vợ chồng bà H và ông T đã xảy ra mâu thuẫn và công an lập biên bản hòa giải và bà H không yêu cầu xử lý.

[10] Đối với ông T, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng ông không đến Tòa giải quyết vụ án, ông cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của bà H và không đưa ra giải pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, chứng tỏ ông T cũng không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà H và không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ gia đình.

[11] Như vậy, ông T đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì trình bày của bà H được thừa nhận mà không cần phải chứng minh. Xét thấy, hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[12] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì bà H và ông T có 02 con chung tên Trần Khải S, sinh ngày 10/02/2016 và Trần Khải T1, sinh ngày 11/4/2017. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 2 con chung.

[13] Căn cứ vào khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến của trẻ Trần Khải S và trẻ đã trình bày nguyện vọng muốn được sống cùng với bà H.

[14] Bà Hạnh hiện đang sống tại căn hộ Căn hộ B chung cư P - Số B đường B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, cả hai con đang học Trường Quốc tế S tại Quận G, theo bà H thì đây là điều kiện, tiện ích rất tốt để các con vui vẻ, khỏe mạnh học tập.

[15] Tại hợp đồng lao động và xác nhận của Công ty X thì bà H đã làm việc tại công ty từ năm 2019 đến nay với mức lương 25.000.000 đồng/tháng, theo bà H thì hiện nay bà đang làm Giám đốc kinh doanh của Công ty X, công việc dạng giao khoán, có thể tự làm online hoặc qua các thiết bị viễn thông, thời gian tự do, thoải mái, mức lương chính trong hợp đồng là 25.000.000 đồng/tháng, lương thực lãnh hằng tháng là 35.000.000 đồng, ngoài ra bà có kinh doanh online với thu nhập trên dưới 10.000.000 đồng/tháng.

[16] Xét thấy, bà H có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các con, hơn nữa việc giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi là cần thiết đảm bảo ổn định tâm lý, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con và đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con, mặt khác ông T cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của bà H. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà H sau khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[17] Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[18] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[19] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, Điều 92, 93, 94, 144, 147, khoản 3 Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông T.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 29/6/2016 của Ủy ban nhân dân phường G, quận K, Thành phố Hà Nội)

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Khải S, sinh ngày 10/02/2016 và Trần Khải T1, sinh ngày 11/4/2017 cho mẹ là bà H được trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền, lợi ích hợp pháp của con, sau khi ly hôn các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0015894 ngày 21/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, như vậy bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà H, ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. 7;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Văn Anh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Khắc Dương

